# TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**HUYỆN HÒA AN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc TỈNH CAO BẰNG**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST Ngày 17-01-2023

V/v Ly hôn

# NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA AN, TỈNH CAO BẰNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lục Thị Út.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Hường.
2. Bà Hoàng Thị Bằng.
	* ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lý Xuân Huy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.
	* ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Phương Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

* + *Nguyên đơn*: Chị Nông Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm G, xã Nội H, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
	+ *Bị đơn*: Anh Nông Văn D, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm Nà Ch, xã Trương L, huyện Hòa A, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

# NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 9 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Nông Thị H trình bày:

Chị và anh Nông Văn D có tìm hiểu nhưng không xác định lấy nhau, do bố mẹ bắt ép nên đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trương L, huyện Hòa A, tỉnh Cao Bằng ngày 31 tháng 7 năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018. Ngày 30 tháng 01

năm 2019 bắt đầu mâu muẫn, vợ chồng không thể chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Nguyên nhân do anh D thường xuyên chửi bới, đánh đập chị, hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng vợ chồng không thể chung sống hòa thuận. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nông Văn D.

Về con chung: Chị H và anh D có 01 con chung, sinh ngày 13/01/2012 mang tên Nông Gia L. Hiện nay, con đang sống cùng anh D, sau khi ly hôn chị H tự nguyện giao con chung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chị H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000,đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, về nợ chung: Chị H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, đồng thời cũng không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 10/01/2023, bị đơn anh Nông Văn D trình bày: Về trình tự, điều kiện kết hôn, tình trạng hôn nhân, quá trình mâu thuẫn và con chung, tài sản chung và vay nợ chung anh D xác nhận như chị Hoa trình bày là đúng. Hiện nay, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn vì thực tế vợ chồng đã ly thân từ năm 2013, chị Hoa cho rằng mâu thuẫn phát sinh và hai vợ chồng ly thân từ năm 2019 là không chính xác. Hơn nữa chị H tự ý bỏ nhà đi từ năm 2013, anh D không được chửi bới, đánh đập, nên anh nhất trí thuận tình ly hôn theo yêu cầu của chị H. Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000,đ (Hai triệu đồng) từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

* + Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.
	+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và ý kiến của người tham gia tố tụng tại phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố Tụng dân sự, Điều 55,

của Luật Hôn nhân gia đình, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

# NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nông Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nông Văn D là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh D đang cư trú tại huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

1. Về tố tụng:

Anh Nông Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải hai lần mà vẫn cố tình vắng mặt, lần thứ 3 anh D có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do vậy, theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

1. Về nội dung vụ án:

[3.1] Đối với yêu cầu ly hôn của chị H: Chị Nông Thị H và anh Nông Văn D tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 31 tháng 7 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Trương L, huyện Hòa A nên hôn nhân giữa chị H và anh D là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung với nhau; thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, sau thời gian chung sống hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến tình cảm rạn nứt. Nguyên nhân do chị H bỏ đi làm công ty ở Bắc Giang không trở về nhà. Vợ chồng không còn sự chia sẻ, quan tâm, thương yêu và tôn trọng lẫn nhau, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, chị H và anh D đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị H yêu cầu được ly hôn. Anh Nông Văn D

nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên nhất trí thuận tình ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H và ý kiến của anh D là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị H và anh D.

[3.2] Về con chung: Chị Nông Thị H và anh Nông Văn D có 01 (Một) con chung, sinh ngày 13/01/2012 mang tên Nông Gia L. Anh D có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con chung, chị Hoa tự nguyện giao con chung cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét ý kiến của các bên đương sự thấy: Cha, mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con cái. Song việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét về mọi mặt và đáp ứng được quyền lợi của con để không ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của trẻ nhỏ. Chị H và anh D đều có sức khỏe, có việc làm, có thu nhập và nơi ở ổn định. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy chị H đang sinh sống tại Bắc Giang, hiện nay cháu L đang sống với anh D và anh D vẫn đảm bảo chăm sóc, giáo dục để cháu được phát triển bình thường. Mặt khác, cháu L có nguyện vọng được sống với bố nên việc giao con chung cho anh D chăm sóc, giáo dục là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H có ý kiến tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mức 2.000.000,đ/tháng, anh D cũng nhất trí với mức cấp dưỡng nuôi con chung chị H đưa ra. Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của chị H là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình và ý kiến của bị đơn nên cần được chấp nhận.

1. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị H và anh D xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hộ đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.
2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nông Thị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

# QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 19, Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị H về việc yêu cầu ly hôn với anh Nông Văn D.
	1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nông Thị H và anh Nông Văn D

Giấy chứng nhận kết hôn số 25 do Ủy ban nhân dân xã Trương Lương, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 31 tháng 7 năm 2012 không còn giá trị pháp lý.

* 1. Về con chung: Giao cháu Nông Gia L, sinh ngày 13/01/2012 cho anh Nông Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

* 1. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nông Thị H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000,đ (Hai triệu đồng). Phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 02/2023.
1. Về án phí: Chị Nông Thị H phải chịu 300.000,đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và 300.000,đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để nộp vào ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000,đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003660 ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa An. Nay chị H còn phải nộp thêm 300.000,đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí.
2. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo đúng quy định./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:*** Đương sự;
* TAND tỉnh Cao Bằng;
* VKSND huyện Hòa An;
* CC THADS huyện Hòa An;
* UBND xã Trương Lương; (Số 25 ngày 31/7/2013);
* Lưu hồ sơ vụ án.
 | **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA*****(Đã ký)*****Lục Thị Út** |